

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày 27-02-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Thi Thị Thanh Trúc;
- Bà Trần Thị Sang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh đối với vụ án dân sự thụ lý số: 263/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-DS ngày 05/02/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Diếp Thị Diễm T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T2, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nguyên đơn chị **Diệp Thị Diễm T** trình bày: Vào khoảng tháng 9/2022, anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** có đến cửa hàng của chị **Diệp Thị Diễm T** mua vôi phục vụ việc nuôi thủy sản, việc mua bán thỏa thuận đến cuối vụ tôm sẽ trả tiền. Sau khi kết thúc vụ tôm, chị **Diệp Thị Diễm T** có đến nhà anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** yêu cầu trả số tiền nợ, ngày 11/3/2023, chị **Trần Thị T2** có xác nhận và ký tên nhận nợ còn thiếu chị **Diệp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng. Số tiền này từ ngày ký xác nhận nợ đến nay anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** vẫn không trả. Nay chị **Diệp Thị Diễm T** yêu cầu anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải trả cho chị số tiền 8.440.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại các phiên họp, phiên hòa giải phía bị đơn anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản vắng mặt đương sự, không tiến hành hòa giải được vụ án và Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải có trách nhiệm trả cho chị **Diệp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng.

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** vắng mặt nhưng chị **T2** có yêu cầu xét xử vắng mặt, thừa nhận có nợ và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, cho các đương sự Tòa án đã đưa đầy đủ đúng quy định trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị **Diệp Thị Diễm T**, buộc anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** có nghĩa vụ trả cho chị **Diệp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Bị đơn cư trú tại **ấp Á, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã đưa bị đơn là anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** tham gia tố tụng; thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt; anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** vắng mặt nhưng chị **Trần Thị T2** có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2**.

[3] Về nội dung:

Chị **Diếp Thị Diễm T** khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải trả lại cho chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền do mua thức ăn thiếu là 8.440.000 đồng.

Xét đơn khởi kiện của chị **Diếp Thị Diễm T** yêu cầu anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải trả lại cho chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền do mua thức ăn còn thiếu là 8.440.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Diếp Thị Diễm T**, chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện; bởi vì:

Mặc dù anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** không đến Tòa án hòa giải, không có bản tự khai, không có ý kiến về việc thừa nhận hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng khi chị **Diếp Thị Diễm T** khởi kiện có cung cấp giấy Biên nhận nợ đề ngày 11/01/2023 cho chị **Trần Thị T2** ký tên có nợ chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng. Đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh, ghi lời khai chị **Trần Thị T2**, tại biên bản ghi lời khai ngày 24/01/2024 (Bút lục số 16) chị **Trần Thị T2** thừa nhận chị và anh **Nguyễn Văn T3** có nợ chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng đồng ý trả cho chị **Diếp Thị Diễm T** nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, buộc anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải có nghĩa vụ trả cho chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền 8.440.000 đồng theo yêu cầu.

[4] Về án phí: Anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải chịu án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều các 430, 440, 468 của Bộ luật Dân

sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Diếp Thị Diễm T.**

Buộc anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải trả cho chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền mua vôi còn nợ là 8.440.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc anh **Nguyễn Văn T3**, chị **Trần Thị T2** phải chịu 422.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị **Diếp Thị Diễm T** số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019016 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai; báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Văn Hùng**